

Số: 24/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Tạ Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 70, khu 7, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 70, khu 7, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 26/12/2011. Nên hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh Đ sống hạnh phúc đến ngày 09/10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Khi nảy sinh mâu thuẫn thì vợ chồng thường cãi nhau khiến cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 09/02/2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh Đ đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và cùng có đơn

yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ. Xét thấy, việc chị T và anh Đ thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ có 01 con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 17/01/2013. Khi ly hôn, chị T và anh Đ thỏa thuận giao con chung Phạm Trung K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thoả thuận nuôi con chung khi ly hôn nêu trên giữa chị T và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ thỏa thuận chị T và anh Đ tự giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh Đ xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị T và anh Đ là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ thoả thuận chị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18/02/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ có 01 con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 17/01/2013. Khi ly hôn, chị T và anh Đ thỏa thuận giao con chung Phạm Trung K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ thỏa thuận chị T và anh Đ tự giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Tạ Thị T và anh Phạm Văn Đ thỏa thuận chị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000394 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường H1, TP. H,
tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga